

Số: /KL-UBND

Bình Sơn, ngày tháng năm 2022

KẾT LUẬN KIỂM TRA

**Công tác quản lý thu, chi tài chính và quản lý đầu tư xây dựng
cơ bản niên độ ngân sách năm 2021 tại UBND xã Bình Thạnh**

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện phê duyệt Kế hoạch kiểm tra năm 2022 và Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn về Thành lập Đoàn kiểm tra công tác quản lý thu, chi tài chính và đầu tư xây dựng cơ bản niên độ ngân sách năm 2021.

Xét Báo cáo số 02/BC-ĐKT ngày 21/7/2022 của Đoàn Kiểm tra. Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn kết luận như sau:

Phần 1. Quản lý thu, chi ngân sách

I. Số liệu quyết toán

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Chênh lệch QT-DT	%
	Tổng cộng	83.500.000	1.621.325.006	1.537.825.006	1.941,7
1	Các khoản thu NSNN hưởng 100%:	73.000.000	1.486.966.686	1.373.015.234	1.980,8
2	Khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	10.500.000	175.309.772	164.809.772	1.669,6

2. Quyết toán thu ngân sách xã: 13.928.923.396 đồng

- Các khoản thu xã hưởng 100%: 462.390.162 đồng

- Khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%): 59.320.121 đồng

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 11.279.147.505 đồng

+ Bổ sung cân đối ngân sách: 7.492.693.000 đồng

+ Bổ sung có mục tiêu: 3.786.454.505 đồng

- Thu chuyển nguồn từ năm trước sang: 1.596.181.885 đồng

- Thu kết dư ngân sách: 531.883.723 đồng

3. Quyết toán chi ngân sách xã: 13.928.923.396 đồng

- Chi đầu tư: 1.302.858.619 đồng

- Chi thường xuyên: 9.974.371.348 đồng

- Chi nộp cấp trên: 983.342.583 đồng

- Chi chuyển nguồn: 1.668.350.846 đồng

4. Kinh phí kết dư chuyển sang năm 2022: 0 đồng

(Chi tiết Phụ lục số 01 kèm theo)

II. Thuyết minh số liệu quyết toán: Số liệu báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách của đơn vị phù hợp với số liệu của Đoàn kiểm tra.

III. Nhận xét:

1. Lập và chấp hành dự toán ngân sách

1.1. Lập dự toán

UBND xã Bình Thanh chấp hành trình tự lập dự toán theo quy định của Luật Ngân sách. Trên cơ sở dự toán thu, chi huyện giao và tình hình thực tế tại địa phương, UBND xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp giao dự toán thu ngân sách trên địa bàn, phân bổ chi ngân sách và kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021.

1.2. Chấp hành dự toán

a. Thu ngân sách

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 1.621.325.006 đồng, đạt 1.941,7% dự toán giao, tăng 1.537.825.006 đồng so với dự toán giao. Thu ngân sách xã hưởng theo phân cấp là 521.710.283 đồng, đạt 624,8% dự toán giao, tăng 438.210.283 đồng so với dự toán giao; trong đó: thu ngân sách xã hưởng 100% là 389.390.162 đồng đạt 633,4% dự toán giao; thu ngân sách xã hưởng theo tỷ lệ phần trăm là 48.820.121 đồng, đạt 565,0% dự toán giao.

Tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 là 13.928.923.396 đồng, đạt 180,9% dự toán giao. Thu ngân sách xã tăng so với dự toán được giao chủ yếu từ nguồn bổ sung có mục tiêu trong năm, thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang, thu kết dư ngân sách năm trước.

b. Chi ngân sách

Tổng chi ngân sách năm 2021 là 13.928.923.396 đồng, bằng 180,9% so dự toán huyện giao, gồm: chi đầu tư 1.302.858.619 đồng, chi thường xuyên 9.974.371.348 đồng, chi nộp ngân sách cấp trên 983.342.583 đồng, chi chuyển nguồn sang năm sau 1.668.350.846 đồng.

2. Về công tác hạch toán kế toán, cập nhật sổ sách

Trong năm 2021, việc hạch toán kế toán theo chứng từ, cập nhật mở sổ theo dõi thu chi được sử dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính. UBND xã áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã.

UBND xã lập cơ bản đầy đủ các loại sổ sách kế toán, báo cáo tài chính theo quy định, ký và đóng dấu giáp lai giữa các trang theo quy định.

- Sổ tài sản cố định Mẫu số S11-X đã theo dõi cập nhật đầy đủ danh mục tài sản đã được phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi; Đã cập nhật giá trị quyền sử dụng đất của các tài sản do UBND xã quản lý vào sổ tài sản cố định; Đề nghị UBND xã in đầy đủ các loại sổ sách, ký, đóng dấu và lưu trữ tại đơn vị; cập nhật theo dõi đầy đủ các loại tài sản vào sổ tài sản cố định, mở sổ theo dõi công cụ dụng cụ của đơn vị theo đúng quy định.

3. Về báo cáo quyết toán ngân sách

UBND xã đã thực hiện báo cáo quyết toán theo Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 theo các (Mẫu biểu số 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70) và đã thực hiện báo cáo quyết toán theo Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Tài chính quy định quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn theo các mẫu biểu (Mẫu biểu số 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13) .

UBND xã đã nộp báo cáo quyết toán năm 2021 đúng thời gian quy định; số liệu trên báo cáo quyết toán khớp đúng với số liệu đối chiếu tại Kho bạc Nhà nước Bình Sơn.

4. Về thực hiện công khai

4.1. Công khai dự toán, quyết toán:

Công khai ngân sách xã được thực hiện theo Thông tư 343/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, cụ thể như sau:

- Công khai số liệu dự toán ngân sách xã năm 2021 và kế hoạch các hoạt động tài chính khác trình Hội đồng nhân dân cấp xã theo các biểu số: 103/CK TC-NSNN, 104/CK TC-NSNN, 105/CK TC-NSNN, 107/CK TC-NSNN. Đã thực hiện niêm yết và kết thúc niêm yết tại trụ sở xã, đã thực hiện thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã; thông báo bằng văn bản cho Đảng ủy, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã và trưởng các thôn ở xã.

- Công khai số liệu dự toán ngân sách xã năm 2021 và kế hoạch các hoạt động tài chính khác đã được Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định theo các biểu số: 108/CK TC-NSNN, 109/CK TC-NSNN, 110/CK TC-NSNN, 112/CK TC-NSNN. Đã thực hiện niêm yết và kết thúc niêm yết tại trụ sở xã, đã thực hiện thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã; thông báo bằng văn bản cho Đảng ủy, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã và trưởng các thôn ở xã.

- Công khai quyết toán ngân sách xã và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác năm 2020 đã được Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn theo các biểu số: 116/CK TC-NSNN, 117/CK TC-NSNN, 118/CK TC-NSNN, 119/CK TC-NSNN, 120/CK TC-NSNN. Đã thực hiện niêm yết và kết thúc niêm yết tại trụ sở UBND xã, đã thực hiện thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã; thông báo bằng văn bản cho Đảng ủy, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã và trưởng các thôn ở xã.

- Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý I, II, III, IV và cả năm 2021 theo các biểu số: 113/CK-TC-NSNN, 114/CK-TC-NSNN, 115/CK-TC-NSNN, đơn vị đã thực hiện niêm yết và kết thúc niêm yết tại trụ sở xã, thực hiện thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã; thông báo bằng văn bản cho Đảng ủy, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã và trưởng các thôn ở xã.

4.2. Công khai tài sản công

Công khai tài sản công được thực hiện theo Thông tư 144/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của

lượt quản lý, sử dụng tài sản công (đã thực hiện công khai theo Mẫu số 09a-CK/TSC, Mẫu số 09b-CK/TSC)

5. Các khoản hoạt động tài chính khác

5.1 Quỹ công chuyên dùng

ĐVT: Đồng

Nội dung	Số dư đầu năm	Thu trong năm	Chi trong năm	Tồn
Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	80.951.729	15.276.000	40.000.000	56.227.729
Quỹ Người nghèo	36.000.149	13.920.000	23.600.000	26.320.149
Cộng	116.951.878	29.196.000	63.600.000	82.547.878

5.2 Về quỹ thu hộ, chi hộ:

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Số dư đầu năm	Thu trong năm	Chi trong năm	Tồn
1	Quỹ phòng, chống thiên tai	1.026.000	3.158.000	4.184.000	
2	Kinh phí nhận từ cơ quan BHXH	903.000	44.929.900	40.276.400	5.556.500
3	Bảo hành công trình	146.861.200	203.443.738		350.304.938
4	Kinh phí hỗ trợ làm nhà, quà tết của Mặt trận huyện		40.000.000	40.000.000	
5	Kinh phí hỗ trợ sinh kế cho hộ nghèo, cận nghèo		15.000.000	15.000.000	
6	Kinh phí hỗ trợ thiệt hại nhà ở do bão lụt		25.000.000	25.000.000	
7	Kinh phí cách ly tập trung PCD covid-19		310.576.000	310.576.000	
8	Kinh phí hỗ trợ theo NQ 01		192.000.000	192.000.000	
9	Kinh phí điện hộ nghèo		129.855.000	129.855.000	
10	Kinh phí hỗ trợ làm nhà		150.000.000	150.000.000	
11	Kinh phí hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ công tác PCTT và TKCN		25.000.000	25.000.000	
12	Kinh phí phục vụ bồi thường, GPMB	2.827.213			2.827.213
13	Kinh phí hỗ trợ đưa hấu	80.000			80.000
14	Kinh phí tịch thu tang vật	5.016.000	120.000		5.136.000
15	Kinh phí khắc phục bão lụt	15.000.000			15.000.000
16	Kinh phí tiền lãi		115.617		115.617
	Tổng cộng	171.713.413	1.139.198.255	931.891.400	379.020.268

6. Về quản lý, sử dụng biên lai thu tiền:

- Tổng số Quyền Biên lai thu tiền đối với các khoản thu ngoài ngân sách năm 2020 chuyển sang năm 2021: 72 quyền (8 quyền còn nguyên chưa sử dụng chuyển sang năm 2022), năm 2021 viết biên lai thu các loại quỹ 18 quyền (trong đó 8 quyền sử dụng hết), còn lại 56 quyền chuyển sang năm 2022 tiếp tục sử dụng.

- Tổng số tiền thu từ biên lai thu tiền:	134.330.000 đồng
+ Quỹ người nghèo:	13.920.000 đồng
+ Quỹ đền ơn:	15.276.000 đồng
+ Quỹ đất công ích :	71.526.000 đồng
+ Quỹ phòng chống thiên tai:	3.158.000 đồng
+ Thu khác:	30.450.000 đồng
- Tổng số tiền đã viết phiếu thu nhập quỹ TM:	134.330.000 đồng

7. Quản lý, sử dụng kinh phí bổ sung có mục tiêu:

7.1. Về số liệu kinh phí

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Kinh phí năm trước chuyển sang	0
2	Tổng kinh phí được cấp trong năm 2021	3.822.768.500
-	Kinh phí dự toán từ đầu năm 2021	125.232.000
-	Kinh phí bổ sung trong năm 2021	3.697.536.500
3	Tổng kinh phí đã nộp ngân sách cấp trên (giảm dự toán bổ sung có mục tiêu trong năm 2021)	36.313.995
4	Tổng kinh phí sử dụng năm 2021 (1+2-3)	3.786.454.505
5	Tổng kinh phí đề nghị quyết toán	3.786.454.505
6	Tổng kinh phí thẩm định quyết toán	3.786.454.505
7	Tổng kinh phí còn lại (4-6)	0

(Chi tiết có phụ lục số 02 kèm theo)

7.2. Về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí

Đơn vị thực hiện theo dõi nguồn bổ sung mục tiêu cơ bản đảm bảo, cuối năm ngân sách 2021, đơn vị xác định các nội dung bổ sung có mục tiêu hết nhiệm vụ chi, không sử dụng và nộp trả ngân sách cấp trên. Đơn vị đã rà soát kinh phí BSMT không sử dụng trong năm để nộp trả ngân sách huyện (giảm thu bổ sung có mục tiêu) là 36.313.995 đồng.

7.3. Về chứng từ chi: Chứng từ chi cơ bản đảm bảo đúng quy định.

8. Về chứng từ kế toán nguồn kinh phí thường xuyên (không bao gồm chứng từ bổ sung có mục tiêu):

- Đơn vị thực hiện quản lý thu, chi ngân sách nguồn kinh phí chi thường xuyên cơ bản đảm bảo theo quy định.

- Thực hiện lập chứng từ thu, chi cơ bản đảm bảo theo quy định. Tuy nhiên, có 10 chứng từ chi chưa đảm bảo với số tiền **243.953.433 đồng**, trong đó: 04 chứng từ đề nghị bổ sung đầy đủ cơ sở pháp lý, 05 chứng từ đề nghị rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện, 01 chứng từ chi nghỉ phép năm không đúng quy định theo Luật lao động thu hồi nộp ngân sách huyện số tiền 110.303.345 đồng.

(Chi tiết có Phụ lục số 03 kèm theo)

9. Quản lý, sử dụng nguồn dự phòng chi ngân sách

Năm 2021, UBND xã Bình Thanh quản lý, sử dụng nguồn dự phòng chi cơ bản đảm bảo quy định. Trong năm 2021, đã thực hiện tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên bổ sung vào nguồn dự phòng chi ngân sách xã để thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid -19 là 34.063.500 đồng. Các chứng từ chi cơ bản đảm bảo đúng quy định.

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Dự toán giao năm 2021 (kể cả 10% tiết kiệm chi thường xuyên để bổ sung nguồn dự phòng)	174.808.500
2	Kinh phí đã sử dụng trong năm	174.808.500
-	Chi công tác phòng chống dịch Covid - 19	124.807.995
-	Chi công tác phòng chống lụt bão (nếu có)	35.000.505
-	Chi công tác dịch bệnh (nếu có)	15.000.000
3	Còn lại	0

10. Về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí tiền lương

10.1. Thực hiện chế độ tiền lương và các khoản theo lương

Trong năm 2021, UBND xã thực hiện cơ bản đảm bảo các chế độ chính sách về tiền lương, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp cho cán bộ công chức và người lao động.

Đoàn kiểm tra đã kiểm tra hồ sơ, chứng từ tiền lương của đơn vị, cơ bản chứng từ chi lương và các khoản phụ cấp theo lương cho cán bộ, công chức đảm bảo theo quy định. Tuy nhiên, tháng 12 năm 2021 bà Trương Thị Hoài Hương nghỉ hưu trước tuổi từ ngày 01/12/2021 theo Quyết định số 4641/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn, nhưng đơn vị thanh toán tiền lương tháng 12, chi sai quy định số tiền 7.089.867 đồng. Đề nghị đơn vị thu hồi, nộp ngân sách huyện.

10.2. Xác định nguồn kinh phí tiền lương:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Nguồn kinh phí tiền lương được sử dụng:	4.221.775.000
-	Nguồn tiền lương được cấp từ đầu năm 2021	4.090.393.000
+	<i>Kinh phí tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương đối với cán bộ chuyên trách, công chức và phụ cấp các hội đặc thù, cấp ủy, HĐND</i>	3.079.458.000
+	<i>Kinh phí phụ cấp đối với những người không chuyên trách cấp xã, cấp thôn</i>	1.010.935.000
-	Nguồn 10% tiết kiệm chi hoạt động năm 2021	131.382.000
2	Nguồn kinh phí tiền lương đã sử dụng:	3.794.334.253
-	Nguồn tiền lương được cấp từ đầu năm 2021	3.717.990.050
+	<i>Kinh phí tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương đối với cán bộ chuyên trách, công chức và phụ cấp các hội đặc thù, cấp ủy, HĐND</i>	3.079.458.000
+	<i>Kinh phí phụ cấp đối với những người không chuyên trách cấp xã, cấp thôn</i>	638.532.050
-	Nguồn 10% tiết kiệm chi hoạt động năm 2021	76.344.203
3	Nguồn kinh phí tiền lương còn thừa chuyển năm sau	372.402.950
-	Nguồn tiền lương được cấp từ đầu năm 2021	372.402.950
+	<i>Kinh phí phụ cấp đối với những người không chuyên trách cấp xã, cấp thôn</i>	372.402.950

Đối với nội dung kinh phí phụ cấp đối với những người không chuyên trách cấp xã, cấp thôn còn thừa chuyển nguồn sang năm 2022 nêu trên, đề nghị đơn vị nộp trả ngân sách huyện, số tiền: 372.402.950 đồng.

10.3. Xác định nguồn cải cách tiền lương

- Năm 2021, đơn vị đã thực hiện bổ sung nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo Thông báo thẩm định quyết toán năm 2020 là 78.338.459 đồng. Trong năm 2021, đơn vị đã thực hiện 70% tăng thu năm 2021 để thực hiện CCTL: 235.363.998 đồng; nộp trả ngân sách kinh phí thực hiện CCTL: 848.594.583 đồng, đơn vị chi lương từ nguồn 10% tiết kiệm chi hoạt động năm 2021 thực hiện CCTL: 76.344.203 đồng. Tổng nguồn kinh phí thực hiện CCTL được chuyển nguồn sang năm 2022 để tiếp tục quản lý, sử dụng là 968.041.966 đồng và nguồn CCTL còn phải tiếp tục thực hiện: 2.417.096.192 đồng.

DVT: đồng

TT	Nội dung	Nguồn phải thực hiện CCTL	Nguồn đã thực hiện CCTL	Nguồn còn phải thực hiện CCTL
A	B	1	2	3=1-2
	Tổng cộng	3.385.138.158	968.041.966	2.417.096.192
1	Nguồn 10% tiết kiệm chi hoạt động năm 2021	55.037.797	55.037.797	
3	Nguồn 70% kết dư năm 2018 để thực hiện CCTL	1.665.845.000	78.338.459	1.587.506.541
4	Nguồn 70% kết dư năm 2019 để thực hiện CCTL	829.589.651		829.589.651
5	Nguồn 70% tăng thu năm 2020 để thực hiện CCTL	59.983.106	59.983.106	
6	Nguồn 70% kết dư năm 2020 để thực hiện CCTL	372.318.606	372.318.606	
7	Nguồn 70% tăng thu năm 2021 để thực hiện CCTL	235.363.998	235.363.998	
8	Kinh phí hoạt động không chuyên trách cấp xã, cấp thôn được bổ sung vào nguồn CCTL theo Công văn số 1508/STC-NS ngày 14/6/2021 của Sở Tài chính	167.000.000	167.000.000	

11. Quản lý, sử dụng kinh phí tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách

Kinh phí tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách năm 2021, ngân sách huyện cấp cho Phòng Lao động Thương binh và Xã hội, ngân sách xã thực hiện chi ủy quyền từ Phòng Lao động Thương binh và Xã hội.

- Kinh phí được sử dụng: 146.520.000 đồng
- Kinh phí quyết toán: 129.855.000 đồng

- Kinh phí còn thừa (hủy dự toán): 16.665.000 đồng

(*Kinh phí và chứng từ quyết toán đã được Phòng LĐTĐ&XH huyện quyết toán tại Biên bản ngày 16/9/2021 và Biên bản ngày 26/5/2022*)

12. Quản lý, sử dụng kinh phí mua sắm

Trong năm 2021, tổng kinh phí mua sắm được giao 190.380.000 đồng từ nguồn ngân sách huyện), đơn vị sử dụng 189.950.000 đồng.

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Kinh phí giao	Kinh phí thực hiện	Ghi chú
I	Kinh phí giao từ đầu năm	164.380.000	164.380.000	
	Mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa các thôn	164.380.000	163.950.000	Chỉ định thầu
II	Kinh phí bổ sung trong năm	26.000.000	26.000.000	
	Mua hệ thống loa	26.000.000	26.000.000	Chỉ định thầu
	Tổng cộng	190.380.000	189.950.000	

13. Tình hình thực hiện công tác chuyển nguồn ngân sách năm 2021 sang năm ngân sách 2022

Đơn vị đã thực hiện chi chuyển nguồn kinh phí ngân sách xã Bình Thanh năm 2021 sang năm 2022, số tiền: 1.668.350.846 đồng tại Quyết định số 281a/QĐ-UBND ngày 15/3/2022. Tuy nhiên, đơn vị thực hiện các nội dung chi chuyển nguồn chưa đúng theo Điều 43, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ và Điều 26, Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Đối với các nội dung kinh phí còn thừa chuyển nguồn sang năm 2022, đơn vị đã thực hiện nộp trả ngân sách huyện năm 2022 kinh phí thực hiện Đề án Tổ an ninh nhân dân: 90.000.000 đồng. Đối với Kinh phí hoạt động không chuyên trách cấp xã, cấp thôn: 538.726.000 đồng, đề nghị đơn vị thực hiện nộp trả ngân sách huyện, với tổng số tiền: 628.726.000 đồng.

14. Tình hình thực hiện kiến nghị của thanh tra, cơ quan Tài chính

- Đơn vị chưa thực hiện thu hồi nộp ngân sách huyện theo Thông báo thẩm định năm 2019, số tiền 63.873.817 đồng.

+ Kinh phí chỉnh lý lưu trữ tài liệu: 17.988.817 đồng.

+ Sửa chữa trụ sở làm việc xã Bình Thanh Tây cũ: 39.885.000 đồng.

+ Sửa chữa nhà văn hóa 3 thôn, tường rào phía sau nhà văn hóa thôn Phước Hòa: 6.000.000 đồng.

- Đơn vị đã thực hiện thu hồi nộp ngân sách huyện theo Thông báo thẩm định năm 2020: Kinh phí bổ sung có mục tiêu còn thừa: 6.346.000 đồng (Kinh phí hỗ trợ gặp khó khăn do Covid-19: 3.000.000 đồng, Kinh phí thu gom vận chuyển rác thải 1.000.000 đồng, Kinh phí chương trình mục tiêu NTM 2.346.000 đồng).

Phần 2: Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản

1. Đối với công trình đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021

Năm 2021, trên địa bàn xã Bình Thanh có 01 công trình đầu tư xây dựng theo Luật Đầu tư công, với tổng mức đầu tư 900.000.000 đồng (Trong đó: Vốn ngân sách huyện hỗ trợ 900.000.000 đồng), đến nay đã hoàn thành nhưng chưa nghiệm thu đưa vào sử dụng.

Đề nghị chủ đầu tư nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng và lập báo cáo quyết toán gửi Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện để tổ chức thẩm tra theo quy định.

(Chi tiết có Phụ lục số 04 kèm theo)

2. Đối với công trình đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020 trở về trước

- Số công trình đã nghiệm thu đưa vào sử dụng và lập báo cáo quyết toán: 01 công trình.

- Số công trình đã nghiệm thu đưa vào sử dụng nhưng chưa lập báo cáo quyết toán: 03 công trình, đề nghị đơn vị thực hiện lập báo cáo quyết toán gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm tra quyết toán theo quy định.

- Số công trình đã hoàn thành nhưng chưa trình cơ quan chuyên môn kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào sử dụng: 9 công trình, đề nghị đơn vị thực hiện lập hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra công tác nghiệm thu công trình.

- Số công trình đã hoàn thành và đang trình cơ quan chuyên môn kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào sử dụng: 10 công trình, đề nghị đơn vị thực hiện lập báo cáo quyết toán sau khi được cơ quan có thẩm quyền thông báo chấp thuận nghiệm thu.

(Chi tiết từng công trình có Phụ lục số 05 kèm theo)

3. Đối với các công trình sửa chữa năm 2021

3.1. Tổng kinh phí phân bổ sửa chữa các công trình có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng năm 2021 tại xã là 05 công trình, với số tiền 977.000.000 đồng, trong đó ngân sách huyện: 547.370.000 đồng, ngân sách xã: 429.630.000 đồng.

3.2. Kết quả kiểm tra:

- Hồ sơ pháp lý của các công trình cơ bản đảm bảo theo quy định.

- **Tổng giá trị dự toán được duyệt: 977.000.000 đồng, trong đó:**

+ Nguồn ngân sách huyện: 547.370.000 đồng.

- + Nguồn ngân sách xã: 429.630.000 đồng.
- **Tổng giá trị quyết toán: 938.381.508 đồng, trong đó:**
- + Nguồn ngân sách huyện: 537.590.550 đồng.
- + Nguồn ngân sách xã: 400.790.958 đồng.
- **Tổng giá trị chênh lệch: 9.779.450 đồng, trong đó:**
- + Nguồn ngân sách huyện: 9.779.450 đồng.
- + Nguồn ngân sách xã: 0 đồng.

(Chi tiết có Phụ lục số 06 kèm theo)

*** Đối với nguồn ngân sách huyện còn thừa: 9.779.450 đồng, trong đó:**

- Kinh phí còn thừa đơn vị đã nộp trả ngân sách huyện (giảm bổ sung có mục tiêu): 9.779.450 đồng (đối với công trình sửa chữa trụ sở làm việc cơ sở 1 do bão số 9 gây ra).

- Kinh phí xuất toán, thu hồi nộp ngân sách huyện 1.834.042 đồng công trình: Mở rộng Cầu Dê (Thôn Phước Hòa). Nguyên nhân: do tính lại khối lượng gờ chắn theo thực tế thi công, cắt giảm hạng mục sơn trắng đỏ gờ chắn do không thi công.

Phần 3. Nhận xét và kết luận

I. Nhận xét

1. Ưu điểm

- Trong quản lý, sử dụng ngân sách: UBND xã cơ bản chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quản lý thu, chi ngân sách. Các chứng từ kế toán được lưu giữ đầy đủ; các nội dung thu, chi ngân sách được phản ánh, cập nhật đầy đủ rõ ràng trên sổ, chứng từ kế toán.

- Trong công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản: UBND xã thực hiện cơ bản đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định; việc quản lý chất lượng công trình, nghiệm thu, thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành cơ bản đảm bảo quy định của pháp luật. Các công trình nâng cấp, sửa chữa tại địa phương được UBND xã nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng kịp thời, đảm bảo phục vụ và mang lại lợi ích cho nhân dân địa phương.

2. Hạn chế

- Đối với Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ vì người nghèo, đơn vị chưa mở tài khoản tiền gửi 3722 tại Kho bạc nhà nước Bình Sơn để theo dõi, quản lý, sử dụng theo quy định.

- Trong công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản: UBND xã chậm lập báo cáo hoàn thành các công trình gửi Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện để tổ chức kiểm tra công trình trước khi nghiệm thu đưa vào sử dụng để tổ chức nghiệm thu theo quy định hiện hành.

II. Kết luận

1. Về sổ sách kế toán

- Đề nghị đơn vị tiếp tục thực hiện chế độ kế toán theo Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 và báo cáo quyết toán theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016; Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Tài chính. Theo đó, UBND xã thực hiện in đầy đủ các loại loại sổ sách, ký, đóng dấu, lưu trữ tại đơn vị và đầy đủ các báo cáo quyết toán theo quy định.

- Tiếp tục thực hiện cập nhật theo dõi đầy đủ các loại tài sản, danh mục tài sản đã được phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi; cập nhật giá trị quyền sử dụng đất của các tài sản do UBND xã quản lý; theo dõi cập nhật đầy đủ tài sản nâng cấp, sửa chữa, mua sắm hàng năm vào sổ tài sản cố định và theo dõi công cụ dụng cụ của đơn vị theo đúng quy định.

2. Về thực hiện công khai

- Thực hiện công khai ngân sách đầu đủ đúng nội dung, đảm bảo thời gian và biểu mẫu theo quy định tại Thông tư 343/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Thực hiện công khai tài sản công đảm bảo thời gian và biểu mẫu theo quy định theo Thông tư số 144/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Các khoản hoạt động tài chính khác

- Nguồn Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ vì người nghèo của xã Bình Thanh được chuyển sang năm 2022, số tiền 82.547.878 đồng; đề nghị UBND xã Bình Thanh thực hiện quản lý thu, chi đảm bảo theo đúng quy định tại Nghị định số 45/2006/NĐ-CP ngày 28/4/2006 và Quyết định số 1198/QĐ-MTTW-ĐCT ngày 29/12/2016 của Ủy ban Trung ương Mặt trận TQVN, đồng thời mở tài khoản tiền gửi 3722 tại Kho bạc nhà nước Bình Sơn để thực hiện đảm bảo theo đúng quy định.

- Nguồn quỹ thu hộ, chi hộ của xã chuyển sang năm 2021 là 379.020.268 đồng; đề nghị UBND xã thực hiện quản lý thu, chi đảm bảo quy định và kịp thời chi trả cho các đối tượng; thực hiện rà soát và xử lý đối với các nguồn thu hộ, chi hộ không còn sử dụng.

4. Về quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí

Năm 2022, đề nghị đơn vị tiếp tục thực hiện theo dõi nguồn dự toán và nguồn bổ sung mục tiêu đảm bảo, cuối năm ngân sách đơn vị xác định các nội dung bổ sung có mục tiêu trong cân đối và bổ sung trong năm còn thừa do hết nhiệm vụ chi, không sử dụng thì nộp trả ngân sách cấp, trường hợp được bổ sung có mục tiêu sau 30/9 nếu còn thừa thì được chuyển nguồn theo đúng quy định.

Đối với nguồn kinh phí thu đảng phí năm 2022, đề nghị đơn vị tổng hợp và nộp vào nguồn thu ngân sách xã để bổ sung dự toán chi ngân sách và thực hiện nội dung chi đảm bảo đúng quy định.

5. Về chứng từ chi thường xuyên

- UBND xã có trách nhiệm bổ sung hồ sơ đầy đủ đối với các chứng từ chi đầy đủ các thủ tục pháp lý, với tổng số tiền 88.468.088 đồng; rút kinh nghiệm đối với các chứng từ chi chưa phù hợp, với tổng số tiền 44.182.000 đồng (*chi tiết phụ lục số 03*).

UBND xã nghiêm túc rút kinh nghiệm và chịu trách nhiệm đối với những nội dung chi chưa phù hợp.

6. Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương

Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương được chuyển nguồn sang năm 2022: 801.041.966 đồng, đề nghị đơn vị tiếp tục quản lý, sử dụng đảm bảo theo đúng quy định, đồng thời nguồn cải cách tiền lương đơn vị phải thực hiện là 2.417.096.192 đồng.

7. Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản

- UBND xã rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện như phần nhận xét nêu tại mục 1, 2, Phần 2.

- UBND xã thực hiện trình Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện phê duyệt quyết toán công trình 01 công trình sửa chữa theo số liệu được kiểm tra tại Phụ lục số 04 và hoàn thành tất toán công trình theo đúng quy định.

- Đối với công trình hoàn thành nhưng chưa được nghiệm thu đưa vào sử dụng, đề nghị chủ đầu tư lập báo cáo dự án hoàn thành gửi Phòng Kinh tế và Hạ tầng để tổ chức kiểm tra công trình trước khi nghiệm thu đưa vào sử dụng. Đồng thời, thực hiện lập hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ và Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch thẩm tra đảm bảo theo quy định.

8. Thu hồi nộp ngân sách huyện theo kết quả kiểm tra năm 2021 là 668.409.654 đồng, gồm:

- Đối với nội dung kinh phí còn thừa tại Quyết định chuyển nguồn, đề nghị đơn vị tiếp tục nộp trả ngân sách huyện, với tổng số tiền: **549.182.400 đồng**, trong đó: Kinh phí hoạt động không chuyên trách cấp xã, cấp thôn: 167.000.000 đồng; Kinh phí phụ cấp đối với những người không chuyên trách cấp xã, cấp thôn: 372.402.950 đồng, Kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc cơ sở 1 do bão số 9 gây ra: 9.779.450 đồng.

- Đề nghị thu hồi nộp ngân sách huyện các khoản chi sai quy định, với tổng số tiền: **119.227.254 đồng**, trong đó: Tháng 12 năm 2021 bà Trương Thị Hoài Hương nghỉ hưu trước tuổi từ ngày 01/12/2021 theo Quyết định số 4641/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn, nhưng đơn vị thanh toán tiền lương tháng 12, chi sai quy định, số tiền 7.089.867 đồng; chi nghỉ phép năm không đúng quy định theo Luật lao động, số tiền 110.303.345 đồng, Công trình: Mở rộng Cầu Dê (Thôn Phước Hòa): 1.834.042 đồng.

9. Đề nghị UBND xã Bình Thanh thực hiện quản lý thu, chi ngân sách đảm bảo theo quy định. Theo dõi kịp thời tình hình thực hiện kinh phí tiền lương, phụ cấp và kinh phí bổ sung có mục tiêu; hàng tháng báo cáo Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND huyện tại Công văn số 685/UBND-TC ngày 29/3/2019.

10. Công tác chuyển nguồn ngân sách sang năm sau

Đề nghị UBND xã Bình Thanh rút kinh nghiệm và thực hiện đảm bảo công tác chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau đảm bảo theo đúng quy định tại theo Điều 43, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ và Điều 26, Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

III. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch UBND xã Bình Thanh

- Tổ chức thực hiện quản lý thu, chi ngân sách nhà nước và quản lý đầu tư xây dựng đảm bảo theo quy định.

- Tổ chức thu hồi số tiền, nộp vào ngân sách huyện và thực hiện đảm bảo các nội dung đã nêu trong Kết luận; đồng thời, nghiêm túc rút kinh nghiệm đối những sai sót nêu trên.

2. Giao Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; đồng thời, báo cáo kết quả cho Chủ tịch UBND huyện.

3. Yêu cầu UBND xã Bình Thanh thực hiện hoàn thành và gửi báo cáo kết quả thực hiện cho UBND huyện qua Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện **trước ngày 31/8/2022./.**

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Cơ quan UBKT-Thanh tra;
- Phòng TC-KH huyện;
- Văn phòng huyện;
- UBND xã Bình Thanh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Đồng